

## **BÁO CÁO**

### **sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư**

-----

Theo đề nghị của Ban Kinh tế Trung ương tại Công văn số 3720-CV/BKTTW ngày 01/8/2023 về việc xây dựng báo cáo sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (sau đây viết tắt là *Nghị quyết 52-NQ/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi kính báo cáo như sau:

#### **I. Đặc điểm tình hình và những biến động trong nước, quốc tế trong 04 năm thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW**

##### **1. Đánh giá tình hình trong nước và quốc tế tác động đến hoạt động của địa phương trong quá trình thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW**

- Bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên thế giới và trong nước đang diễn ra mạnh mẽ với các công nghệ đột phá tạo ra không ít cơ hội và nhiều thách thức cho sự phát triển của tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian đến như: Bảo vệ hòa bình, an ninh, nhất là an ninh mạng, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, sở hữu trí tuệ.

- Nước ta nói chung, tỉnh Quảng Ngãi nói riêng tiếp tục hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số đang làm giảm vị thế của các nền kinh tế dựa vào tài nguyên khoáng sản. Điều này đặt ra thách thức lớn cho tỉnh, nếu không bắt kịp với những đổi mới trong khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, tỉnh có nguy cơ tụt hậu, năng suất và chất lượng sản phẩm khó cạnh tranh được với các sản phẩm trong nước và quốc tế.

##### **2. Những thuận lợi, khó khăn đối với địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW**

- Thuận lợi: Được sự quan tâm của các cấp, các ngành Trung ương, tỉnh Quảng Ngãi nắm bắt được nhiều cơ hội để nâng cao năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư như: Đầu tư ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin xây dựng Chính quyền điện tử, xã hội số, y tế, giáo dục, nông nghiệp, tài nguyên và môi trường, giao thông...

- Khó khăn: Trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thuộc loại trung bình. Phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là các doanh nghiệp nhỏ và vừa có trình độ và năng lực công nghệ sản xuất ở mức lạc hậu, chỉ có một số ít doanh nghiệp lớn có trình độ và năng lực công nghệ ở mức trung bình và trung bình tiên tiến. Do đó, việc

nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là hết sức khó khăn.

## **II. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW**

### **1. Công tác tuyên truyền, phổ biến và quán triệt**

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị Tỉnh ủy mở rộng để phổ biến, quán triệt Nghị quyết 52-NQ/TW đến cán bộ chủ chốt của tỉnh; chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết 52-NQ/TW và xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW.

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã tổ chức các hội nghị chuyên đề phổ biến, quán triệt Nghị quyết 52-NQ/TW cho các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Hầu hết cấp ủy các huyện, thị xã, thành phố và tương đương đều tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra trong Nghị quyết 52-NQ/TW phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị.

Nhìn chung, việc phổ biến, quán triệt Nghị quyết 52-NQ/TW được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo nội dung; cán bộ, đảng viên tham gia học tập, quán triệt đạt tỷ lệ khá cao. Sau hội nghị học tập, quán triệt, các địa phương, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện; cán bộ, đảng viên viết bài thu hoạch gắn với nhiệm vụ được giao; việc tuyên truyền có nhiều đổi mới về nội dung và hình thức.

### **2. Kết quả công tác thể chế hóa**

Để cụ thể hóa Nghị quyết 52-NQ/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo:

- Kế hoạch số 271-KH/TU ngày 27/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW.

- Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 18/5/2020 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 271-KH/TU ngày 27/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

### **3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời trong các chủ trương, chính sách lớn chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh. Qua đó, góp phần tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên; giúp cộng đồng doanh nghiệp, người dân thấy được lợi ích, ý nghĩa của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

## **III. Kết quả 04 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 52-NQ/TW**

### **1. Kết quả cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo, thực hiện mục tiêu đề ra**

Qua 04 năm triển khai thực hiện, các ngành, các cấp đã ban hành kế hoạch thực hiện cho giai đoạn đến năm 2025 và giai đoạn đến năm 2030. Nhờ thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, doanh nghiệp và người dân nên bước đầu triển khai, một số lĩnh vực đạt kết quả khả quan như: Hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo lan tỏa tích cực, nhiều sản

phẩm mới được hình thành; các doanh nghiệp chú trọng hơn trong công tác đầu tư chuyển giao, đổi mới công nghệ sản xuất, hoạt động nghiên cứu ứng dụng đã hỗ trợ tích cực cho doanh nghiệp, tạo điều kiện để doanh nghiệp thực sự là trung tâm của đổi mới sáng tạo, hạ tầng số cơ bản đầu tư đồng bộ, Internet băng thông rộng phủ 100% các xã, giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm chiếm 2,05% giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh; cơ bản hoàn thành việc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần nâng cao năng lực tiếp cận Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

## **2. Đánh giá tình hình thực hiện các nhóm chủ trương, chính sách**

### ***2.1. Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý Nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội***

- Trong thời gian qua, các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức chính trị - xã hội đã tuyên truyền, quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết 52-NQ/TW đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị và cộng đồng doanh nghiệp cũng như người dân trên địa bàn tỉnh bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, đổi mới hình thức tuyên truyền theo hướng sinh động, trực quan, dễ hiểu, dễ nhớ.

- Các cấp, các ngành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ luôn gắn các mục tiêu, nhiệm vụ tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xem người dân và doanh nghiệp là chủ thể tham gia.

### ***2.2. Hoàn thiện thể chế, tạo thuận lợi để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số của tỉnh***

HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ các cơ quan, doanh nghiệp tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số của tỉnh (*có phụ lục kèm theo*). Các cơ chế, chính sách bước đầu đã tạo động lực cho doanh nghiệp mạnh dạn đổi mới nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

### ***2.3. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư***

- Xây dựng và phát triển trung tâm dữ liệu số của tỉnh từ Trung tâm dữ liệu hiện có đáp ứng nhu cầu lưu trữ, vận hành khai thác; đã đưa vào vận hành thử nghiệm Trung tâm điều hành thông minh tỉnh (Trung tâm IOC, đang vận hành 15 phần mềm ứng dụng).

- Nâng cấp, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử và theo yêu cầu. Hiện nay việc xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi đã hoàn thành phiên bản 2.0.

- Đưa nội dung Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động vào quy hoạch chung của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030. Ban hành Chỉ thị tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, nhất là vùng nông thôn, vùng núi của tỉnh để đẩy mạnh phủ sóng 4G, 5G

phục vụ người dân truy cập Internet băng thông rộng.

- Xây dựng Kế hoạch ngầm hóa cáp viễn thông và xây dựng, triển khai cáp quang đến vùng nông thôn giai đoạn 2021-2030 để từng bước thực hiện đô thị thông minh và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã ngầm hóa cáp viễn thông khoảng hơn 918 km, chiếm tỷ lệ gần 20% trên tổng số km cáp tại địa phương. Viễn thông Quảng Ngãi thực hiện ngầm hóa với tỷ lệ 45%, cao nhất trong các nhà mạng, Viettel với tỷ lệ ngầm hóa là 14%. Thực hiện ngầm hóa 100% đối với các khu đô thị mới.

- Xây dựng Trung tâm Giám sát an toàn mạng tỉnh Quảng Ngãi nhằm triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia. Hệ thống hoạt động giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC tỉnh Quảng Ngãi) đã được triển khai, hoạt động từ nhiều năm qua, kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC, thuộc Cục An toàn thông tin) phục vụ nhu cầu quản lý hoạt động giám sát an toàn thông tin trên toàn quốc; thực hiện bằng hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Đầu tư cơ sở vật chất cho khoa học và công nghệ. Hiện nay, đã đầu tư triển khai dự án “Nâng cao năng lực thông tin và thông kê khoa học và công nghệ”.

- Đẩy mạnh thu hút nguồn lực đầu tư, chú trọng nguồn lực xã hội hóa để đầu tư nâng cấp hạ tầng các ngành, lĩnh vực quan trọng, thiết yếu đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; trước hết là hạ tầng năng lượng và giao thông. Ngành điện lực đã đẩy mạnh lộ trình ứng dụng khoa học công nghệ; tích hợp công nghệ kỹ thuật số và mô hình quản trị phù hợp với quá trình ứng dụng công nghệ kỹ thuật số vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động, đổi mới sáng tạo, tối ưu hóa chi phí, nâng cao trải nghiệm và mức độ hài lòng khách hàng.

## ***2.4. Phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của tỉnh***

### ***2.4.1. Về hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo***

Văn hóa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo được lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng, đặc biệt là lực lượng thanh niên; nhận thức về vai trò của khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong sự phát triển kinh tế - xã hội được nâng cao. Đội ngũ chuyên gia, tư vấn, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã được hình thành và có nhiều hoạt động hỗ trợ thiết thực. Các tổ chức hỗ trợ đã hình thành gồm: Vườn ươm doanh nhân khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Hội đồng Điều phối xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 được thành lập. Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh đã cơ bản đầy đủ các thành tố, bước đầu hoạt động có hiệu quả.

### ***2.4.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ***

Với phương châm lấy doanh nghiệp làm trung tâm của hoạt động nghiên cứu - ứng dụng và đổi mới sáng tạo, ngành khoa học và công nghệ đã ưu tiên xét duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai hàng năm với sự tham gia của doanh nghiệp để hỗ trợ cho doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu - ứng dụng

khoa học và công nghệ; đồng thời đẩy mạnh hợp tác công - tư, chuyển giao công nghệ thúc đẩy nhanh việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống. Theo dõi, quản lý 35 nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp (gồm: 09 nhiệm vụ cấp nhà nước; 23 nhiệm vụ cấp tỉnh chuyển tiếp từ năm 2021 sang; 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen giai đoạn 2021-2025; 02 nhiệm vụ cấp cơ sở). Tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả 07 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và 02 nhiệm vụ cấp cơ sở, chuyển giao kết quả 08 đề tài, dự án khoa học và công nghệ cho các tổ chức, cá nhân ứng dụng.

#### **2.4.3. Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chương trình đề án đến nhiều doanh nghiệp với nhiều hình thức khác nhau: Chương trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường khoa học - công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Chương trình phát triển tài sản trí tuệ; Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng; Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc,... Theo đó, trên 500 lượt doanh nghiệp đã được tiếp cận các nội dung hỗ trợ, trong đó chủ yếu là các hoạt động đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực, cùng với đó là hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ về đổi mới công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất chất lượng cho doanh nghiệp dưới hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

#### **2.5. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và nâng cao năng lực, kỹ năng số cho cán bộ và người dân**

- Tỉnh đã ban hành và triển khai kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn về Chuyển đổi số cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức, phổ cập kỹ năng số cho người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Theo đó, phấn đấu đạt 100% cán bộ, công chức, viên chức các cấp trên địa bàn tỉnh tham gia, hoàn thành chương trình. Ngay sau khi kế hoạch được ban hành đã tổ chức 10 lớp, với khoảng gần 1.000 học viên bồi dưỡng các kiến thức cơ bản và nâng cao về Chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng.

- Toàn tỉnh, số cán bộ công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước có bằng tốt nghiệp chuyên ngành công nghệ thông tin hoặc tương đương khoảng 150 người. Trong đó, số cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin khoảng 60, số còn lại đa phần hoạt động bán chuyên trách. Tổng số cán bộ, giáo viên trong ngành giáo dục đào tạo toàn tỉnh có trình độ công nghệ thông tin ước khoảng 1.101 người, trong đó có 346 người trình độ Trung cấp, 519 người có trình độ Cao đẳng, 176 người có trình độ Đại học, 06 người có trình độ Thạc sỹ, 05 người có trình độ Tiến sỹ. Có 6 trường cao đẳng, đại học trên địa bàn có đào tạo công nghệ thông tin.

- Đã hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học từ năm 2020 nhằm trang bị cho học sinh kiến thức cần biết, kỹ năng để làm việc và phát triển trong thế giới công nghệ hiện đại ngày nay, tận dụng tiến bộ của công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục, xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

#### **2.6. Phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn**

### 2.6.1. Phát triển kinh tế số

- Tính đến nay, có 3.866 doanh nghiệp nhỏ và vừa (đạt tỷ lệ 64.43%) sử dụng nền tảng số; có 4.341 doanh nghiệp (đạt tỷ lệ 72.35%) tham gia Chương trình SMEdx; số lượng doanh nghiệp đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông – công nghệ thông tin là 1.758 doanh nghiệp; có 6.284/6.339 doanh nghiệp đang hoạt động khai, nộp thuế điện tử, chiếm tỷ lệ 99,1%; có 6.328 hộ/cá nhân đăng ký nộp thuế điện tử, tổng số tiền đã nộp vào NSNN 60,2 tỷ đồng; 100% doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh đăng ký, sử dụng hóa đơn điện tử.

- Thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi chiếm tỉ lệ hơn 35% so với tổng phương tiện thanh toán; thanh toán qua các dịch vụ trung gian đạt khoảng trên 10% so với tổng phương tiện thanh toán; 100% các siêu thị, trung tâm mua sắm và cơ sở phân phối hiện đại có thiết bị chấp nhận thẻ thanh toán (POS) và cho phép người tiêu dùng thanh toán không dùng tiền mặt khi mua hàng; trên 30% cửa hàng bán lẻ xăng dầu đã có thiết bị cho phép người tiêu dùng thanh toán không dùng tiền mặt và hiện tại có 01 chợ (Chợ Quảng Ngãi) được Viettel Quảng Ngãi trang bị cho các tiểu thương thiết bị cho phép người tiêu dùng thanh toán không dùng tiền mặt. Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Quảng Ngãi đã hỗ trợ, giới thiệu được 661 sản phẩm/dịch vụ của hơn 224 doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; trong đó có 79 sản phẩm được công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; 110 sản phẩm OCOP. Đến nay, sàn giao dịch vẫn đang hoạt động khá tốt, góp phần hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu sản phẩm của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2022 là 2.495,7 tỷ đồng, chiếm 2,05% giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

### 2.6.2. Phát triển xã hội số

- Tập trung đẩy mạnh hoạt động truyền thông trong toàn xã hội về chuyển đổi số với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, mang lại hiệu quả thiết thực như: Lễ phát động phong trào Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Tọa đàm về thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng,... Qua đó, tạo bước chuyển biến tích cực trong công tác triển khai Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, đồng thời huy động nguồn nhân lực cán bộ, công chức, viên chức, tổ công nghệ số cộng đồng các cấp để tuyên truyền rộng rãi, hình thành hạt nhân lan tỏa đến người dân, giúp người dân thay đổi thói quen, nhận thức đúng về Chuyển đổi số, đem lại những lợi ích thiết thực phục vụ cho chính đời sống của người dân. Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin là 373.694 người; số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức hợp pháp là 887.261 người. Các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn còn ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán tiện ích nâng cao trải nghiệm của khách hàng, đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho khách hàng như: thanh toán chạm bằng thẻ chip, thanh toán bằng Mobile money... Trên địa bàn tỉnh có 231 máy ATM và 1.625 máy POS hoạt động tại 1.707 điểm chấp nhận thẻ; hệ thống ATM trên địa bàn được kết nối liên thông, hoạt động thông suốt.

- Xây dựng và thực hiện Đề án phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025. Duy trì hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân trên địa bàn tỉnh; Tiếp tục triển khai có hiệu quả phần mềm Quản lý bệnh viện (HIS) tại tất cả cơ sở khám, chữa bệnh tuyến tỉnh, huyện, xã; đảm bảo kết nối liên thông với các phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử, Bảo hiểm xã hội.

## **2.7. Kết quả thực hiện chính sách phát triển ngành và công nghệ ưu tiên**

**2.7.1. Đối với lĩnh vực trồng trọt:** Hiện nay, trong lĩnh vực trồng trọt thực hiện ứng dụng, vận hành tưới tự động đối với cây lúa, cây rau màu...với diện tích gần 3.000 ha; triển khai xây dựng mã số vùng trồng của một số sản phẩm (*dưa hấu, ớt...*). Ngoài ra, đang triển khai thực hiện Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin quản lý và theo dõi tình hình sản xuất trồng trọt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại địa chỉ <http://trongtrot.nuian.vn>. Tổ chức triển khai Kế hoạch duy trì, thiết lập và giám sát mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói đối với một số cây trồng có tiềm năng xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Về mã số vùng trồng: Tính từ đầu năm đến nay đã cấp 7 giấy xác nhận MSVT, gồm 06 mã số vùng trồng tiêu thụ nội địa, 01 mã số vùng trồng xuất khẩu.

**2.7.2. Đối với lĩnh vực chăn nuôi:** Một số doanh nghiệp sử dụng công nghệ giám sát trại chăn nuôi bằng hệ thống camera từ xa, công nghệ dây chuyền thức ăn công nghiệp tự động.

**2.7.3. Đối với lĩnh vực lâm nghiệp:** Hiện đang ứng dụng phần mềm FRMS trong công tác theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng. Sử dụng công nghệ GIS và viễn thám trong công tác cảnh báo cháy rừng.

**2.7.4. Đối với lĩnh vực thủy sản:** Ứng dụng công nghệ mới trong đóng tàu; Ứng dụng máy dò ngang trong khai thác thủy sản; Ứng dụng hệ thống cơ giới hóa trong khai thác như máy tời thủy lực thu lưới vây, lưới rê; Ứng dụng các nghề khai thác mới; Ứng dụng radar hàng hải; Trang bị máy thông tin liên lạc VX-1700 có tích hợp định vị GPS; Thực hiện hệ thống giám sát hành trình của Tổng Cục Thủy sản theo Luật Thủy sản; Ứng dụng công nghệ hàm bảo quản PU trong bảo quản sản phẩm trên tàu cá và máy sản xuất đá vảy từ nước biển, hệ thống cấp đông. Đến nay, tổng số tàu cá là 4.306 chiếc với tổng công suất 1.774.037 CV.

**2.7.5. Đối với lĩnh vực thủy lợi:** Trong công tác giám sát, quản lý công trình hồ chứa nước Nước Trong có hệ thống camera theo dõi, giám sát tại đập chính, tín hiệu được truyền về đơn vị quản lý điều hành và website [thuyloivietnam.vn](http://thuyloivietnam.vn) do Tổng cục Thủy lợi quản lý thông qua mạng internet.

**2.7.6. Về phát triển nông thôn:** Triển khai thực hiện báo cáo số liệu kinh tế hợp tác qua trang chủ tên miền <http://quanlyhoptacxanongnghiep.gov.vn>. Một số HTX thực hiện hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, thương mại thông qua các kênh Facebook, Zalo, các trang điện tử bán hàng, tiêu biểu như HTX Chăn nuôi thỏ Quảng Ngãi, HTX Sản xuất và Kinh doanh nấm Đức Nhuận, HTX Rau sạch Mâm Việt...

**2.7.7. Chuyển đổi số ngành tài chính:** Ứng dụng phần mềm quản lý tiền lương, cải cách tiền lương cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; phần

mềm quản lý kinh phí và thanh quyết toán các chế độ an sinh xã hội cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh; phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

### **2.8. Đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài**

Đã xây dựng Chương trình xúc tiến đầu tư vào KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025; danh mục các dự án trọng điểm thu hút đầu tư giai đoạn 2021-2025 và danh mục dự án thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030 (đưa vào quy hoạch tỉnh) để làm cơ sở triển khai thực hiện. Theo đó, tập trung thu hút các dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ thông minh và các dự án công nghiệp có quy mô lớn, có tính chất lan tỏa; các dự án công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp dệt may da giày, các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động qua đào tạo... Đến nay, đã thu hút được 34 dự án (trong đó có 11 dự án nước ngoài), với tổng vốn đăng ký đầu tư 97.396 tỷ đồng.

### **2.9. Kết quả thực hiện chuyển đổi số, xây dựng phát triển đô thị thông minh, xây dựng chính quyền điện tử và dịch vụ công trực tuyến**

- Tỉnh đã ban hành các kế hoạch về phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Triển khai xây dựng và ứng dụng nhiều nền tảng số như: Bản đồ số quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng Ngãi; Xây dựng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi (LGSP); Nâng cấp Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh tại Văn phòng UBND tỉnh; Xây dựng phần mềm Quản lý di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh; Triển khai Đề án “Khám, chữa bệnh từ xa” giai đoạn 2020-2025; Triển khai Hệ thống hội nghị truyền hình đến cấp xã tại các huyện Nghĩa Hành, Sơn Tịnh và Trà Bồng; Xây dựng hệ thống đài truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

- Các ngành, lĩnh vực đều tích cực triển khai hiệu quả các nền tảng, phần mềm dùng chung của các bộ, ngành Trung ương liên thông đến cấp xã như: Văn phòng UBND tỉnh, Công an, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên Môi trường, Xây dựng, Giao thông, Nông nghiệp...

- Hệ thống các phần mềm dùng chung của tỉnh phục vụ chính quyền điện tử (trên 10 hệ thống phần mềm: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ; Hệ thống Chữ ký số; Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; Hệ thống phòng họp không giấy tờ; Cổng thông tin điện tử; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II; Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; Thí điểm Trung tâm điều hành đô thị thông minh tỉnh Quảng Ngãi (IOC), IOC thị xã Đức Phổ và năm 2023 đang triển khai IOC huyện Tư Nghĩa) tiếp tục được vận hành ổn định, bảo đảm an toàn thông tin, khai thác hiệu quả, hàng năm được nâng cấp đáp ứng tốt yêu cầu quản lý và điều hành liên thông các cấp, thúc đẩy cải cách hành chính, phục vụ các tổ chức, doanh nghiệp.

- Đã tích hợp trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh để khai thác dữ liệu một số dịch vụ: CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); CSDL quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm Xã hội Việt Nam); HTTT đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp); HTTT cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài



chính); HTTT Dịch vụ bưu chính công ích của Tổng công ty Bưu điện (vnPOST); HTTT đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); HTTT dịch vụ công lĩnh vực đường bộ trong nước (Bộ Giao thông vận tải).

### **3. Tồn tại, hạn chế**

- Chưa có cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đặc thù cho các nhà đầu tư phát triển công nghệ mới, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới; công nghiệp công nghệ thông tin; công nghiệp chế tạo thông minh, điện tử viễn thông, lĩnh vực năng lượng nên chưa hấp dẫn trong việc thu hút nhiều dự án liên quan đến công nghiệp công nghệ cao.

- Hạ tầng giao thông chưa được đầu tư đồng bộ, ảnh hưởng đến sự phát triển của hệ thống phân phối, lưu thông hàng hóa, làm cho các dịch vụ logistics của doanh nghiệp trên địa bàn bị chậm trễ, chi phí logistics bị đẩy lên cao. Điều này là một trong những cản trở chính đối với việc thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh vào tỉnh Quảng Ngãi.

- Cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin/chuyển đổi số tại một số sở, ngành, cấp huyện, cấp xã xuống cấp, thiếu đồng bộ, ảnh hưởng đến việc triển khai các nền tảng số phục vụ quản lý và điều hành.

- Đa phần các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, tiềm lực tài chính còn hạn chế. Do đó, việc doanh nghiệp ứng dụng các thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn nhiều hạn chế; đòi hỏi cần có thời gian để các doanh nghiệp hấp thu, làm chủ trình độ khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, kinh doanh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

### **IV. Nhiệm vụ trong thời gian tới**

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành hệ thống chính trị của tỉnh quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 52-NQ/TW và các nhiệm vụ, giải pháp được xác định tại Kế hoạch số 271-KH/TU ngày 27/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhằm nâng cao năng lực tiếp cận Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó chú trọng một số nhiệm vụ sau:

**1.** Tiếp tục thực hiện chuyển đổi số, xây dựng và phát triển đô thị thông minh, xây dựng chính quyền điện tử và dịch vụ công trực tuyến, phát triển kinh tế số và xã hội số, phát triển doanh nghiệp công nghệ số, thương mại điện tử; trong đó, tập trung đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin/chuyển đổi số đồng bộ tại các sở, ngành, địa phương của tỉnh.

**2.** Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước kết nối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ, dần tiến tới tự chủ công nghệ và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Thu hút các nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng, kết nối với khu vực kinh tế trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước kết nối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

**3.** Hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

**4.** Tập trung đầu tư vào đổi mới và sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao các công nghệ phù hợp với từng địa phương, lấy doanh nghiệp làm trung tâm của hệ

thống đổi mới sáng tạo cho ngành nông nghiệp; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhanh chóng tiếp cận và phát triển được các công nghệ sản xuất mới, khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tập trung xây dựng các mô hình chuỗi liên kết ứng dụng đầy đủ các công nghệ, thiết bị thông minh trong sản xuất - chế biến tiêu thụ tạo ra chuỗi giá trị nông sản thực phẩm bền vững.

### **V. Kiến nghị, đề xuất**

1. Kính đề nghị các bộ, ngành liên quan quan tâm hỗ trợ kêu gọi thu hút các dự án liên quan đến công nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh; ưu tiên đầu tư hạ tầng thiết yếu, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin phù hợp với thực trạng và nhu cầu của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để các chủ thể tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Để nâng cao tiềm lực cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, kính đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ quan tâm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn tham gia các chương trình, đề án của bộ, hỗ trợ tìm kiếm chuyển giao và làm chủ các công nghệ tiên tiến nước ngoài nhằm nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi kính báo cáo Ban Kinh tế Trung ương.

#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng (b/c),
- Văn phòng Trung ương (b/c),
- Ban Kinh tế Trung ương (b/c),
- Bộ Khoa học và công nghệ (b/c),
- Các đồng chí Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, BCSD UBND tỉnh,
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các sở, ban, ngành,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- VPTU: CVP, PCVP; P. Tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Đinh Thị Hồng Minh**